PHỤ LỤC SỐ 01

BIỂU ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

STT	Đơn vị	Chương trình cho vay Hộ nghèo							Chương trình cho vay Hộ cận nghèo		
		Tổng dư nợ kế hoạch năm 2023	*Trong đó*						Chỉ tiêu đã giao	Giao tăng (+), giảm (-) đợt này	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
			Dư nợ kế hoạch nguồn vốn trung ương (Kế hoạch A)			Dư nợ kế hoạch nguồn vốn Ngân sách tỉnh (Kế hoạch B)					
			Chỉ tiêu đã giao	Giao tăng (+), giảm (-) đợt này	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023	Chỉ tiêu đã giao	Giao tăng (+), giảm (-) đợt này	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023			
1	*2*	*3=6+9*	*4*	*5*	*6=4+5*	*7*	*8*	*9=7+8*	*10*	*11*	*12=10+11*
1	TP. Lạng Sơn	378	312		312	86	-20	66	120		120
2	Huyện Cao Lộc	40.680	39.758	-3	39.755	940	-15	925	31.375	-20	31.355
3	Huyện Lộc Bình	117.025	114.713		114.713	2.322	-10	2.312	66.183		66.183
4	Huyện Đình Lập	52.895	51.996	-74	51.922	980	-7	973	48.268		48.268
5	Huyện Văn Lãng	60.872	60.001		60.001	872	-1	871	40.440		40.440
6	Huyện Tràng Định	69.002	68.314		68.314	688		688	55.719		55.719
7	Huyện Văn Quan	90.861	89.128	-2	89.126	1.735		1.735	130.973		130.973
8	Huyện Bình Gia	100.280	97.842	121	97.963	2.246	71	2.317	130.863	520	131.383
9	Huyện Bắc Sơn	113.366	111.468		111.468	1.916	-18	1.898	69.551		69.551
10	Huyện Chi Lăng	75.534	75.275	-6	75.269	265		265	49.878	-500	49.378
11	Huyện Hữu Lũng	113.261	107.557	-36	107.521	5.419	321	5.740	65.750		65.750
Tổng cộng		**834.154**	**816.364**	**0**	**816.364**	**17.469**	**321**	**17.790**	**689.120**	**0**	**689.120**

(ĐỢT 7)

Đơn vị: triệu đồng.

Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo		
Chỉ tiêu đã giao	**Giao tăng (+), giảm (-) đợt này**	**Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023**
13	*14*	*15=13+14*
46		46
88.693		88.693
53.976		53.976
39.304		39.304
25.088		25.088
31.344		31.344
27.343		27.343
24.278	500	24.778
44.396		44.396
48.661	-500	48.161
47.488		47.488
430.617	**0**	**430.617**

PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2023 (ĐỢT 7)

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

STT	Đơn vị	Chương trình cho vay Nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP					Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm					
		Tổng dư nợ kế hoạch giao năm 2023	*Trong đó*				Tổng dư nợ kế hoạch giao năm 2023	*Trong đó*				
			Dư nợ kế hoạch nguồn vốn thông thường	Dư nợ kế hoạch nguồn vốn Nghị quyết số 11/NQ-CP				Cho vay nguồn Quỹ QGVL (không bao gồm vốn Hội đoàn thể quản lý)	Cho vay theo Nghị quyết số 11/NQ-CP	Cho vay nguồn vốn NHCSXH huy động		
				Chỉ tiêu đã giao	Giao tăng (+), giảm (-) đợt này	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023				Chỉ tiêu đã giao	Giao tăng (+), giảm (-) đợt này	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
1	*2*	*3=4+7*	*4*	*5*	*6*	*7=5+6*	*8=9+10+13+16*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13=11+12*
1	TP. Lạng Sơn	119.823	20.992	99.715	-884	98.831	133.744	22.375	38.000	48.131		48.131
2	Huyện Cao Lộc	27.615	4.954	22.418	243	22.661	62.488	3.964	45.500	11.230		11.230
3	Huyện Lộc Bình	21.467	2.635	18.493	339	18.832	53.927	3.451	37.500	7.210		7.210
4	Huyện Đình Lập	23.147	2.197	20.950		20.950	64.861	3.275	48.000	11.000	-20	10.980
5	Huyện Văn Lãng	17.673	3.206	14.467		14.467	59.235	3.497	43.000	10.890	24	10.914
6	Huyện Tràng Định	11.061	633	10.502	-74	10.428	56.837	3.367	43.500	8.100		8.100
7	Huyện Văn Quan	12.135	2.255	9.870	10	9.880	50.935	3.370	37.000	7.589		7.589
8	Huyện Bình Gia	8.014	1.610	6.310	94	6.404	47.047	4.681	32.000	7.800		7.800
9	Huyện Bắc Sơn	17.906	3.383	14.941	-418	14.523	48.623	3.824	36.500	7.300		7.300
10	Huyện Chi Lăng	22.404	3.028	18.686	690	19.376	52.113	2.710	37.000	9.400	-4	9.396
11	Huyện Hữu Lũng	19.644	560	19.084		19.084	47.088	6.095	32.000	6.290		6.290
Tổng cộng		**300.889**	**45.453**	**255.436**	**0**	**255.436**	**676.898**	**60.609**	**430.000**	**134.940**	**0**	**134.940**

Đơn vị: triệu đồng.

n		
Vốn Ngân sách tỉnh		
Chỉ tiêu đã giao	**Giao tăng (+), giảm (-) đợt này**	**Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023**
14	*15*	*16=4+15*
25.528	-290	25.238
1.795	-1	1.794
5.766		5.766
2.616	-10	2.606
1.828	-4	1.824
1.870		1.870
2.982	-6	2.976
2.566		2.566
1.000	-1	999
2.985	22	3.007
2.371	332	2.703
51.307	**42**	**51.349**

PHỤ LỤC SỐ 03

BIỂU ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂ

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH t

STT	Đơn vị	Chương trình cho vay Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn			Chương trình cho vay HSSV có HCKK			Chương trình môi
		Chỉ tiêu đã giao	Giao tăng (+), giảm (-) đợt này	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023	Chỉ tiêu đã giao	Giao tăng (+), giảm (-) đợt này	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023	Chỉ tiêu đã giao
1	*2*	*3*	*4*	*5=3+4*	*6*	*7*	*8=6+7*	*9*
1	TP. Lạng Sơn	7		7	954		954	15.447
2	Huyện Cao Lộc	49.593		49.593	1.085		1.085	23.803
3	Huyện Lộc Bình	93.977	-2	93.975	1.304	-2	1.302	43.014
4	Huyện Đình Lập	35.360		35.360	1.287		1.287	17.335
5	Huyện Văn Lãng	66.581		66.581	900		900	28.662
6	Huyện Tràng Định	87.443		87.443	763		763	45.030
7	Huyện Văn Quan	69.439	-3	69.436	1.378	-6	1.372	24.911
8	Huyện Bình Gia	38.586	28	38.614	2.169		2.169	25.214
9	Huyện Bắc Sơn	128.272	-8	128.264	5.224		5.224	65.613
10	Huyện Chi Lăng	72.285	-15	72.270	2.416	-5	2.411	40.733
11	Huyện Hữu Lũng	125.024		125.024	5.968	13	5.981	72.923
Tổng cộng		**766.567**	**0**	**766.567**	**23.448**	**0**	**23.448**	**402.685**

M 2023 (ĐỢT 7)

tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng.

cho vay Nước sạch và vệ sinh i trường nông thôn	
Giao tăng (+), giảm (-) đợt này	**Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023**
10	*11=9+10*
	15.447
-3	23.800
	43.014
	17.335
16	28.678
	45.030
	24.911
	25.214
	65.613
	40.733
-13	72.910
0	**402.685**

DANH MỤC

ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2023 (ĐỢT 7)

CỦA THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đ

STT	Nội dung	Giao tăng/giảm đợt này
A	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương**	**-884**
1	Cho vay Nhà ở xã hội (Nghị quyết 11/NQ-CP)	-884
B	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương (ngân sách tỉnh)**	**-310**
1	Cho vay Hộ nghèo	-20
2	Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm	-290

Phụ lục 04

Đơn vị: triệu đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
98.831
98.831
25.304
66
25.238

DANH MỤC
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2023 (ĐỢT 7)
CỦA HUYỆN CAO LỘC

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính

STT	Nội dung	Giao tăng/giảm đợt này
A	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương**	**217**
1	Cho vay Hộ nghèo	-3
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-20
3	Cho vay Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn	-3
4	Cho vay Nhà ở xã hội (Nghị quyết 11/NQ-CP)	243
B	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương (ngân sách tỉnh)**	**-16**
1	Cho vay Hộ nghèo	-15
2	Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm	-1

Phụ lục 05

h: triệu đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
117.571
39.755
31.355
23.800
22.661
2.719
925
1.794

DANH MỤC
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2023 (ĐỢT 7)
CỦA HUYỆN LỘC BÌNH

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính

STT	Nội dung	Giao tăng/giảm đợt này
A	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương**	**335**
1	Cho vay Hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn	-2
2	Cho vay Nhà ở xã hội theo (Nghị quyết 11/NQ-CP)	339
3	Cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	-2
B	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương (ngân sách tỉnh)**	**-10**
1	Cho vay Hộ nghèo	-10

Phụ lục 06

ị: triệu đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
114.109
93.975
18.832
1.302
2.312
2.312

DANH MỤC
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2023 (ĐỢT 7)
CỦA HUYỆN ĐÌNH LẬP

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính:

STT	Nội dung	Giao tăng/giảm đợt này
A	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương**	**-94**
1	Cho vay Hộ nghèo	-74
2	Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (vốn NHCSXH huy động)	-20
B	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương (ngân sách tỉnh)**	**-17**
1	Cho vay Hộ nghèo	-7
2	Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm	-10

Phụ lục 07

triệu đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
62.902
51.922
10.980
3.579
973
2.606

DANH MỤC
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2023 (ĐỢT 7)
CỦA HUYỆN VĂN LÃNG

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính

STT	Nội dung	Giao tăng/giảm đợt này
A	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương**	**40**
1	Cho vay Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn	16
2	Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (vốn NHCSXH huy động)	24
B	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương (ngân sách tỉnh)**	**-5**
1	Cho vay Hộ nghèo	-1
2	Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm	-4

Phụ lục 08

h: triệu đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
39.592
28.678
10.914
2.695
871
1.824

DANH MỤC
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2023 (ĐỢT 7)
CỦA HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính

STT	Nội dung	Giao tăng/giảm đợt này
A	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương**	**-74**
1	Cho vay Nhà ở xã hội theo (Nghị quyết 11/NQ-CP)	-74

Phụ lục 09

h: triệu đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
10.428
10.428

DANH MỤC
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2023 (ĐỢT 7)
CỦA HUYỆN VĂN QUAN

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính

STT	Nội dung	Giao tăng/giảm đợt này
A	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương**	**-1**
1	Cho vay Hộ nghèo	-2
2	Cho vay Nhà ở xã hội theo (Nghị quyết 11/NQ-CP)	10
3	Cho vay Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-3
4	Cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	-6
B	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương (ngân sách tỉnh)**	**-6**
1	Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm	-6

Phụ lục 10

h: triệu đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
169.814
89.126
9.880
69.436
1.372
2.976
2.976

DANH MỤC
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2023 (ĐỢT 7)
CỦA HUYỆN BÌNH GIA

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính

STT	Nội dung	Giao tăng/giảm đợt này
A	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương**	**1.263**
1	Cho vay Hộ nghèo	121
2	Cho vay Hộ cận nghèo	520
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	500
4	Cho vay Nhà ở xã hội theo (Nghị quyết 11/NQ-CP)	94
5	Cho vay Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	28
B	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương (ngân sách tỉnh)**	**71**
1	Cho vay Hộ nghèo	71

Phụ lục 11

h: triệu đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
299.142
97.963
131.383
24.778
6.404
38.614
2.317
2.317

DANH MỤC
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2023 (ĐỢT 7)
CỦA HUYỆN BẮC SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính

STT	Nội dung	Giao tăng/giảm đợt này
A	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương**	**-426**
1	Cho vay Nhà ở xã hội theo (Nghị quyết 11/NQ-CP)	-418
2	Cho vay Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-8
B	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương (ngân sách tỉnh)**	**-19**
1	Cho vay Hộ nghèo	-18
2	Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm	-1

Phụ lục 12

ı: triệu đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
142.787
14.523
128.264
2.897
1.898
999

DANH MỤC
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2023 (ĐỢT 7)
CỦA HUYỆN CHI LĂNG
(Kèm theo Quyết định số: 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính

STT	Nội dung	Giao tăng/giảm đợt này
A	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương**	**-340**
1	Cho vay Hộ nghèo	-6
2	Cho vay Hộ cận nghèo	-500
3	Cho vay Hộ mới thoát nghèo	-500
4	Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (vốn NHCSXH huy động)	-4
5	Cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	-5
6	Cho vay Nhà ở xã hội theo (Nghị quyết 11/NQ-CP)	690
7	Cho vay Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	-15
B	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương (ngân sách tỉnh)**	**22**
1	Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm	22

Phụ lục 13

: triệu đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
276.261
75.269
49.378
48.161
9.396
2.411
19.376
72.270
3.007
3.007

Phụ lục 14

DANH MỤC
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2023 (ĐỢT 7)
CỦA HUYỆN HỮU LŨNG
(Kèm theo Quyết định số 28 /QĐ-BĐD ngày 26 /12/2023 của Trưởng ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Nội dung	Giao tăng/giảm đợt này	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023
A	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương**	**-36**	**186.412**
1	Cho vay Hộ nghèo	-36	107.521
2	Cho vay Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn	-13	72.910
3	Cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	13	5.981
B	**Kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương (ngân sách tỉnh)**	**653**	**8.443**
1	Cho vay Hộ nghèo	321	5.740
2	Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm	332	2.703